

TỜ TRÌNH
Về biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2014

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức; Thông tư số 07/2010/TT-BNV ngày 26/7/2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều quy định tại Nghị định số 21/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ Quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; Thông tư số 05/2013/TT-BNV ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 1819/QĐ-BNV ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức năm 2014 trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

UBND tỉnh kính báo cáo HĐND tỉnh tình hình thực hiện biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2013 và kế hoạch biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2014 của tỉnh như sau:

Phần I
BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ SỬ DỤNG BIÊN CHẾ NĂM 2013

1. Về phân bổ chỉ tiêu biên chế

a) Tổng số biên chế hành chính năm 2013 của tỉnh Bình Định được Bộ Nội vụ giao tại Quyết định số 1342/QĐ-BNV ngày 18/12/2012 là **2.525 biên chế**, giữ nguyên như số lượng đã phân bổ của năm 2012. Do vậy, biên chế hành chính năm 2013 UBND tỉnh phân bổ cho các sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố cơ bản giữ nguyên số biên chế đã phân bổ năm 2012 là **2.518 biên chế** (cấp tỉnh: 1.472 biên chế, cấp huyện: 1.046 biên chế). Trong đó, chỉ giao bổ sung 08 biên chế cho các cơ quan có nhu cầu cấp thiết cần bố trí cán bộ theo yêu cầu vị trí việc làm, cụ thể:

- Bổ sung 04 biên chế cho Sở Ngoại vụ để tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy các phòng chuyên môn có đủ nhân lực thực hiện nhiệm vụ được giao và tiếp nhận thạc sỹ chuyên ngành tiếng Anh, sinh viên tốt nghiệp loại giỏi thông thạo tiếng Hàn Quốc, Trung Quốc làm nhiệm vụ tham mưu tổng hợp các chương trình dự án hợp tác, quan hệ hợp tác quốc tế.

- Bổ sung 02 biên chế cho Văn phòng UBND tỉnh để tiếp nhận cán bộ có trình độ thạc sỹ chuyên ngành kinh tế, bổ sung nhân lực cho Phòng Kinh tế ngành làm nhiệm vụ tổng hợp, tham mưu về lĩnh vực kinh tế và bổ sung chuyên viên cho Phòng Văn xã làm nhiệm vụ tổng hợp, tham mưu về lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Bổ sung 01 biên chế cho Sở Y tế để bố trí chuyên viên của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm làm nhiệm vụ kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

- Bổ sung 01 biên chế cho UBND thành phố Quy Nhơn để bố trí chuyên viên của Phòng Kế hoạch - Tài chính làm nhiệm vụ thẩm định dự án đầu tư xây dựng cơ bản theo yêu cầu của đô thị loại I.

b) Biên chế dự phòng là **07 biên chế**.

2. Về tình hình thực hiện biên chế

Trong năm 2013, các cơ quan, đơn vị trong tỉnh đã tuyển dụng không qua thi tuyển đối với **36 người** tốt nghiệp đại học loại giỏi, thủ khoa các trường, thạc sỹ theo chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh và tuyển dụng **230 người** thông qua hình thức thi tuyển vào biên chế Nhà nước theo Quyết định số 2094/QĐ-UBND ngày 01/8/2013 của UBND tỉnh, số còn lại tiếp tục hợp đồng là **35 người**. Như vậy, tính đến hết ngày 31/10/2013, tổng số biên chế hành chính đã thực hiện của toàn tỉnh là: **2.518/2.525 biên chế**.

Tuy nhiên, số lượng biên chế hành chính hiện nay của tỉnh chưa đủ để bố trí cho các cơ quan quản lý nhà nước theo yêu cầu nhiệm vụ và khối lượng công việc được giao. Trên thực tế số biên chế hành chính được Bộ Nội vụ giao hàng năm chưa đảm bảo với nhu cầu nhiệm vụ phát sinh và việc thành lập các tổ chức mới như: Sở Ngoại vụ, Chi cục Biên và Hải đảo, Chi cục Quản lý đất đai, Văn phòng Ban an toàn giao thông tỉnh và một số các cơ quan có các văn bản hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, bổ sung nhiệm vụ mới của các Bộ, ngành Trung ương như: Thanh tra tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương phát sinh yêu cầu quản lý đô thị như: Thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn đều yêu cầu tăng thêm biên chế nhưng chưa được Bộ Nội vụ giao bổ sung.

II. KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH NĂM 2014

Căn cứ Kết luận số 64-KL/TW ngày 28/5/2013 Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị đã có chủ trương “Tiếp tục thực hiện chủ trương tinh giản biên chế, từ nay đến năm 2016 cơ bản không tăng tổng biên chế của hệ thống chính trị (trừ trường hợp lập thêm tổ chức hoặc được giao thêm nhiệm vụ mới). Trường hợp có yêu cầu tăng thêm biên chế phải có đề án được cơ quan chức năng

thẩm định chặt chẽ”; “Thống nhất quản lý chặt chẽ việc thành lập mới các đơn vị sự nghiệp công lập và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập”, Bộ Nội vụ yêu cầu UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cơ quan chuyên môn xây dựng đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức để xác định biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2015 trong các cơ quan, tổ chức hành chính theo quy định.

Theo tinh thần nêu trên, tổng số biên chế hành chính năm 2014 của tỉnh Bình Định được Bộ Nội vụ giao tại Quyết định số 1819/QĐ-BNV ngày 28 tháng 11 năm 2013 là **2.525 biên chế**, giữ nguyên như số lượng đã phân bổ của năm 2013 để tiến hành xây dựng đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức theo quy định. Hiện tại, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch tổ chức triển khai xây dựng Đề án xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện (Trong quý III năm 2014 sẽ tổng hợp trình Bộ Nội vụ phê duyệt).

Phần II **BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP**

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ SỬ DỤNG BIÊN CHẾ NĂM 2013

1. Biên chế được phê duyệt

Tổng số biên chế sự nghiệp năm 2013 của tỉnh được HĐND tỉnh khóa XI phê duyệt tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 07/12/2012 là: **29.794 biên chế** (bao gồm cả biên chế dự phòng), cụ thể:

- Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 21.340 biên chế;
- Sự nghiệp y tế: 6.215 biên chế;
- Sự nghiệp VH-TT- thể thao: 666 biên chế;
- Sự nghiệp khác: 1.573 biên chế.

2. Biên chế được phân bổ

a) Phân bổ cho các cơ quan, đơn vị:

Trên cơ sở số biên chế đã được HĐND tỉnh phê duyệt, UBND tỉnh đã quyết định phân bổ cho các sở, ban ngành và các huyện, thị xã, thành phố năm 2013 theo Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 08/4/2013 (bao gồm cả số biên chế ủy quyền cho Sở Nội vụ giao bổ sung trong năm 2013 từ biên chế dự phòng) là **28.768 biên chế**, cụ thể:

- Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 20.532 biên chế;
- Sự nghiệp y tế: 6.093 biên chế;
- Sự nghiệp VH-TT- thể thao: 628 biên chế;
- Sự nghiệp khác: 1.515 biên chế.

b) Biên chế dự phòng: 1.026 biên chế.

- Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 808 biên chế;
- Sự nghiệp y tế: 122 biên chế;
- Sự nghiệp VH-TT- thể thao: 38 biên chế;
- Sự nghiệp khác: 58 biên chế.

Biên chế sự nghiệp ngành giáo dục và đào tạo dự phòng là 808 biên chế cao hơn so với số quyết định của UBND tỉnh 540 biên chế là do năm 2013, Sở Nội vụ phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát, tính toán, cân đối lại với tình hình thực tế về quy mô trường lớp, số học sinh của năm học 2013 - 2014 và tiến độ thực hiện Đề án chuyển đổi các trường dân lập, bán công sang công lập của năm 2013 nên đã giảm của cấp huyện là 269 biên chế, cấp tỉnh là 271 biên chế chuyển sang chỉ tiêu dự phòng vì thừa so với định mức quy định.

3. Biên chế thực hiện

- Tổng biên chế thực hiện đến thời điểm 31/10/2013: **27.799 người** (bao gồm cả lao động hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế).

- + Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 19.694 người;
- + Sự nghiệp y tế: 5.979 người;
- + Sự nghiệp VH -TT- thể thao: 620 người;
- + Sự nghiệp khác: 1.506 người.

- Trong năm 2013, đã thỏa thuận xét tuyển viên chức của các đơn vị sự nghiệp công lập theo phân cấp của tỉnh tại Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND ngày 17/3/2009 là **1.255 chỉ tiêu** và biên chế đã bố trí để chuyển đổi số giáo viên hiện có của các trường mầm non, mẫu giáo, trung học phổ thông bán công sang công lập và các trường có học sinh hệ ngoài công lập theo Nghị quyết số 27/2011/NQ-HĐND; Nghị quyết số 48/2011/NQ-HĐND của HĐND tỉnh là **1.481 người** (hệ mầm non: 756; hệ THPT: 725).

Hiện tại, việc thực hiện xét tuyển vào biên chế để thực hiện Đề án chuyển đổi loại hình trường mẫu giáo, mầm non bán công sang loại hình trường công lập và công lập tự chủ một phần về tài chính đã được thực hiện 495/756 biên chế.

- So với tổng số biên chế đã phân bổ, số biên chế hiện chưa thực hiện là **969 biên chế**. Trong đó:

- + Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 838 biên chế;
- + Sự nghiệp y tế: 114 biên chế;
- + Sự nghiệp VH - TT - thể thao: 08 biên chế;
- + Sự nghiệp khác: 09 biên chế.

Việc chưa thực hiện hết chỉ tiêu biên chế sự nghiệp được giao năm 2013 xuất phát từ những nguyên nhân sau:

+ Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: Nguyên nhân là do các trường còn giữ lại chỉ tiêu biên chế để dự phòng hợp đồng một số giáo viên, nhân viên và để bố trí bộ máy lãnh đạo của trường còn thiếu so với quy định (Toàn tỉnh có hơn 600 trường Mẫu giáo, Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông) và một số huyện chưa triển khai thực hiện xét tuyển giáo viên, nhân viên các trường mầm non vào biên chế theo Đề án chuyển đổi.

+ Sự nghiệp y tế: Thiếu nguồn tuyển dụng đối với các chức danh như: Bác sĩ, Dược sĩ đại học, Cử nhân các ngành: Điều dưỡng, Nữ hộ sinh, Kỹ thuật viên gây mê hồi sức để bố trí cho các bệnh viện, trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố so với yêu cầu của công tác khám chữa bệnh của người dân.

+ Sự nghiệp văn hóa - thông tin - thể thao và sự nghiệp khác: Do việc thực hiện xét tuyển viên chức các ngành này hiện tại còn đang gặp khó khăn là thực hiện Luật Viên chức và Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, do Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành Trung ương đến nay chưa có văn bản hướng dẫn về nội dung tuyển theo chuyên ngành. Hiện tại, Sở Nội vụ đang tham mưu UBND tỉnh để ban hành Quy chế xét tuyển viên chức theo quy định của Luật Viên chức thay thế Quy chế xét tuyển tạm thời quy định tại Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 05/12/2012 của UBND tỉnh.

II. KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2014

1. Nhu cầu biên chế dự kiến phân bổ: 29.822 biên chế.

- Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 21.519 biên chế;
- Sự nghiệp y tế: 6.093 biên chế;
- Sự nghiệp VH-TT- thể thao: 628 biên chế;
- Sự nghiệp khác: 1.582 biên chế.

2. Thuyết minh, giải trình

Trên tinh thần chỉ đạo của Bộ Nội vụ tại Công văn số 3286/BNV-TCBC ngày 17/9/2013 là thống nhất quản lý chặt chẽ việc thành lập mới các đơn vị sự nghiệp công lập và số lượng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập;

Do đó, kế hoạch biên chế sự nghiệp năm 2014 của tỉnh cơ bản giữ nguyên theo chỉ tiêu biên chế đã giao năm 2013, chỉ bổ sung cho các đơn vị thành lập mới theo ý kiến chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy và tiếp tục bổ sung biên chế để thực hiện Đề án chuyển đổi các trường mầm non, mẫu giáo bán công sang công lập (năm cuối thực hiện Đề án) theo Nghị quyết số 27/2011/NQ-HĐND ngày 18/8/2011, Nghị quyết số 09/2013/NQ-HĐND ngày 26/7/2013 của HĐND tỉnh.

Như vậy, tổng biên chế sự nghiệp năm 2014 là **29.822 biên chế**, tăng **1.054 biên chế** so với biên chế đã phân bổ năm 2013, cụ thể:

a) **Biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo:** Biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm 2014 của tỉnh là **21.519 biên chế**, tăng **987 biên chế** để bổ sung cho các trường. Cụ thể:

- Khối các trường mầm non (194 trường, 2.092 lớp) tăng 744 biên chế để:

+ Tăng 550 biên chế bổ sung cho 28 trường mầm non, mẫu giáo bán công chuyển sang công lập theo Nghị quyết số 27/2011/NQ-HĐND (đợt 3, năm cuối của Đề án chuyển đổi) bao gồm các trường đóng trên địa bàn các xã, phường thuộc vùng đồng bằng, vùng nông thôn và bổ sung cho các trường mầm non thuộc huyện Hoài Nhơn, huyện Hoài Ân có số lớp bán trú, số học sinh tăng thêm.

+ Tăng 194 biên chế bổ sung cho 13 trường mầm non bán công chuyển sang công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ hoàn toàn về tài chính theo Nghị quyết số 09/2013/NQ-HĐND ngày 26/7/2013 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 27/2011/NQ-HĐND đến năm học 2017-2018 hoàn thành việc chuyển đổi 13 trường sang công lập tự chủ hoàn toàn về tài chính.

Như vậy, tổng biên chế khối các trường mầm non sau khi tăng là **2.669 biên chế**.

- Khối các trường tiểu học (*240 trường, 4.504 lớp*): Giữ nguyên chỉ tiêu biên chế đã phân bổ năm 2013 là **7.350 biên chế**.

- Khối các trường trung học cơ sở (*148 trường, 2.759 lớp*): Giữ nguyên chỉ tiêu biên chế đã phân bổ năm 2013 là **6.734 biên chế**.

- Khối các trường THPT, trường dân tộc nội trú (*52 trường, 1.396 lớp*): Tăng 243 biên chế để tiếp tục bổ sung biên chế cho 13 trường THPT bán công chuyển sang công lập và công lập tự chủ một phần về tài chính theo Nghị quyết số 48/2011/NQ-HĐND ngày 09/12/2011 để đảm bảo số lượng giáo viên đứng lớp theo quy định. Biên chế sau khi tăng là **3.667 biên chế**.

- Các trung tâm giáo dục thường xuyên - hướng nghiệp (*11 trung tâm*): Giữ nguyên chỉ tiêu biên chế đã phân bổ năm 2013 là **304 biên chế**.

- Khối các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề (*3 trường cao đẳng, 2 trường trung cấp, 2 trường trung cấp nghề, 01 trường năng khiếu, 7 trung tâm nghề*): Giữ nguyên chỉ tiêu biên chế phân bổ năm 2013 là **628 biên chế**.

- Phòng Giáo dục và Đào tạo (*11 phòng*): Giữ nguyên **167 biên chế** đã giao.

b) Biên chế sự nghiệp Y tế: Thực hiện Nghị quyết số 08/2008/NQ-HĐND ngày 22/8/2008 của HĐND tỉnh và Quyết định số 28/2008/QĐ-UBND ngày 08/9/2008 của UBND tỉnh ban hành Quy hoạch phát triển hệ thống y tế tỉnh Bình Định đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 thì giai đoạn 2010 - 2015 nhu cầu giường bệnh tại các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện cần bố trí là 3.500 giường, hiện tại đã bố trí 3.500/3.500 giường cho 7 bệnh viện tuyến tỉnh, 11 bệnh viện tuyến huyện. Do kế hoạch giường bệnh giữ nguyên nên kế hoạch biên chế sự nghiệp Y tế năm 2014 giữ nguyên chỉ tiêu biên chế đã phân bổ năm 2013 là **6.093 biên chế**. Chia theo lĩnh vực:

- Lĩnh vực khám chữa bệnh là **4.162 biên chế**;

- Lĩnh vực y tế dự phòng là **540 biên chế**;

- Lĩnh vực chuyên môn y tế khác là **191 biên chế**;

- Trạm y tế xã, phường, thị trấn là **1.200 biên chế**.

c) **Biên chế sự nghiệp văn hoá - thông tin - thể thao và sự nghiệp khác:**
Cơ bản giữ nguyên chỉ tiêu biên chế đã phân bổ năm 2013, chỉ tăng 67 biên chế để xem xét cân đối bổ sung cho một số đơn vị sự nghiệp có yêu cầu khối lượng công việc tăng thêm như hỗ trợ biên chế ban đầu năm 2014 cho Ban Quản lý dự án các công trình trọng điểm tỉnh (18 biên chế) để tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức (thành lập theo Quyết định số 2896/QĐ-UBND ngày 08/10/2013 của UBND tỉnh) và các đơn vị thành lập mới năm 2014 như Trung tâm Nghiên cứu phát triển kinh tế xã hội và thu hút đầu tư tỉnh (39 biên chế đã có Đề án thành lập), các Hạt quản lý đê điều thuộc Chi cục Quản lý Đê điều và Phòng chống lụt bão (10 biên chế).

Tổng biên chế sự nghiệp văn hóa - thông tin - thể thao và sự nghiệp khác sau khi tăng là **2.210 biên chế** (trong đó: sự nghiệp văn hóa - thông tin - thể thao là 628 biên chế, sự nghiệp khác là: 1.582 biên chế).

(Có các phụ lục chi tiết kèm theo)

3. Nhu cầu biên chế dự phòng

Biên chế dự phòng năm 2014 đề xuất tính theo tỷ lệ 1% so với tổng số biên chế phân bổ để bổ sung cho các đơn vị sự nghiệp phát sinh công việc trong năm 2014 hoặc thực hiện việc kiện toàn, sắp xếp lại hoặc thành lập mới. Tổng biên chế sự nghiệp dự phòng là **298 biên chế** ($29.822 \times 1\% = 298$).

Tóm lại, tổng kế hoạch biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2014 của tỉnh (bao gồm cả 298 biên chế sự nghiệp dự phòng) là **32.645 biên chế**. Cụ thể:

- **Biên chế hành chính:** **2.525 biên chế.**

- **Biên chế sự nghiệp:** **29.822 biên chế.**

Trong đó:

+ Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 21.519 biên chế;

+ Sự nghiệp y tế: 6.093 biên chế;

+ Sự nghiệp VH-TT- thể thao: 628 biên chế;

+ Sự nghiệp khác: 1.582 biên chế.

- **Biên chế sự nghiệp dự phòng:** **298 biên chế.**

Kính trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua kế hoạch biên chế hành chính và phê duyệt kế hoạch biên chế sự nghiệp năm 2014 của tỉnh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, SNV, K12.

dl kah Bm



Lê Hữu Lộc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 1

KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH NĂM 2014

(Kèm theo Tờ trình số: 121/TTr-UBND ngày 03/12/2013 của UBND tỉnh)

Số TT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Biên chế được giao năm 2013			Có mặt đến 31/10/2013				Kế hoạch biên chế năm 2014				Ghi chú
		Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	Tổng số	Công chức theo chức vụ lãnh đạo	Công chức theo chức danh chuyên môn	Hợp đồng LĐ theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	Hợp đồng LĐ theo ND 68/2000/ND-CP	
	I	2	3	4	5	6	7	10	11	12	13	14	15
	Tổng cộng (A+B)	2518	855	1663	2518	834	1684		2518	855	1663		Biên chế giao năm 2013
A	CẤP TỈNH	1472	465	1007	1472	456	1016		1472	465	1007		
1	VP Đoàn ĐBQH & HĐND	39	21	18	39	20	19		39	21	18		
2	VP Ban chỉ đạo PCTN (Ban Nội chính Tỉnh ủy)	10	4	6	10	4	6		10	4	6		
4	Văn phòng UBND tỉnh	52	20	32	52	20	32		52	20	32		
5	Sở Nội vụ	75	31	44	75	30	45		75	31	44		
6	Sở Ngoại vụ	20	5	15	20	5	15		20	5	15		
7	Sở Tài chính	66	19	47	66	21	45		66	19	47		
8	Sở Khoa học và Công nghệ	43	16	27	43	16	27		43	16	27		
9	Sở Thông tin và TT	28	9	19	28	9	19		28	9	19		
10	Sở Nông nghiệp và PTNT	379	92	287	379	91	288		379	92	287		

Số TT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Biên chế được giao năm 2013			Có mặt đến 31/10/2013				Kế hoạch biên chế năm 2014				Ghi chú
		Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	Tổng số	Công chức theo chức vụ lãnh đạo	Công chức theo chức danh chuyên môn	Hợp đồng LĐ theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	Hợp đồng LĐ theo ND 68/2000/ND-CP	
	1	2	3	4	5	6	7	10	11	12	13	14	15
11	Sở Y tế	76	33	43	76	30	46		76	33	43		
12	Sở Tài nguyên và MT	72	27	45	72	27	45		72	27	45		
13	BQL Khu Kinh tế tỉnh BĐ	53	14	39	53	14	39		53	14	39		
14	Sở Tư pháp	34	12	22	34	11	23		34	12	22		
15	Ban Dân tộc	18	7	11	18	6	12		18	7	11		
16	Sở Lao động - TB&XH	53	21	32	53	19	34		53	21	32		
17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	42	17	25	42	17	25		42	17	25		
18	Sở Xây dựng	65	15	50	65	15	50		65	15	50		
19	Sở Giao thông Vận tải	63	14	49	63	14	49		63	14	49		
20	Sở Công Thương	131	41	90	131	39	92		131	41	90		
21	Sở Giáo dục và Đào tạo	52	13	39	52	14	38		52	13	39		
22	Thanh tra tỉnh	44	13	31	44	13	31		44	13	31		
23	Sở Văn hoá, Thể thao và DL	57	21	36	57	21	36		57	21	36		
B	HUYỆN, THÀNH PHỐ	1046	390	656	1046	378	668		1046	390	656		Biên chế giao năm 2013
1	UBND thành phố Quy Nhơn	151	42	109	151	42	109		151	42	109		
2	UBND huyện Tuy Phước	94	37	57	94	30	64		94	37	57		
3	UBND thị xã An Nhơn	94	35	59	94	33	61		94	35	59		

Số TT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Biên chế được giao năm 2013			Có mặt đến 31/10/2013				Kế hoạch biên chế năm 2014				Ghi chú
		Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	Tổng số	Công chức theo chức vụ lãnh đạo	Công chức theo chức danh chuyên môn	Hợp đồng LĐ theo NĐ 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	Hợp đồng LĐ theo NĐ 68/2000/NĐ-CP	
	1	2	3	4	5	6	7	10	11	12	13	14	15
4	UBND huyện Phù Cát	90	38	52	90	38	52		90	38	52		
5	UBND huyện Hoài Nhơn	97	35	62	97	35	62		97	35	62		
6	UBND huyện Vân Canh	84	34	50	84	34	50		84	34	50		
7	UBND huyện Phù Mỹ	91	39	52	91	37	54		91	39	52		
8	UBND huyện Vĩnh Thạnh	84	30	54	84	29	55		84	30	54		
9	UBND huyện Hoài Ân	90	36	54	90	36	54		90	36	54		
10	UBND huyện An Lão	84	32	52	84	32	52		84	32	52		
11	UBND huyện Tây Sơn	87	32	55	87	32	55		87	32	55		
C	BIÊN CHẾ DỰ PHÒNG	7							7				
	TỔNG CỘNG (A+B+C)	2525							2525				

Ghi chú: Số Lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2006/NĐ-CP của Chính phủ không tính trong chỉ tiêu biên chế được giao của các cơ quan, đơn vị

KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2014

(Kèm theo Tờ trình số: 121/TTr-UBND ngày 03/12/2013 của UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Biên chế đã được phân bổ năm 2013	Thực hiện đến 31/10/2013	Quy mô giáo dục - đào tạo		KH biên chế năm 2014	Biên chế tăng, giảm so với năm 2013	Ghi chú
				Trường	Lớp			
A	B	1	2	3	4	5	6=5-1	7
I	CẤP TỈNH	4.365	4.219	70	1.396	4.608	243	
1	Các đơn vị thuộc Sở GD-ĐT	3.728	3.603	63	1.396	3.971	243	
	Các trường PTTH, Chuyên biệt	3.424	3.312	52	1.396	3.667	243	
	Trung tâm GDTX-HN	304	291	11		304	0	
2	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	139	126	5		139	0	Giữ nguyên
	Trường Trung cấp nghề	67	59	2		67	0	
	Trung tâm dạy nghề	72	67	3		72	0	
3	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	65	61	2		65	0	Giữ nguyên
	Trường Trung học VHNT	40	38	1		40	0	
	Trường Năng khiếu TDTT	25	23	1		25		
4	Sở Nông nghiệp và PTNT	94	90			94	0	Giữ nguyên
5	Trường Cao đẳng Bình Định	120	120			120	0	Giữ nguyên

STT	Tên đơn vị	Biên chế đã được phân bổ năm 2013	Thực hiện đến 31/10/2013	Quy mô giáo dục - đào tạo		KH biên chế năm 2014	Biên chế tăng, giảm so với năm 2013	Ghi chú
				Trường	Lớp			
A	B	1	2	3	4	5	6=5-1	7
6	Trường CD nghề Quy Nhơn	100	100			100	0	Giữ nguyên
7	Trường Cao đẳng Y tế	84	84			84	0	Giữ nguyên
8	Các đơn vị thuộc khối Đảng, ĐT	35	35			35	0	Giữ nguyên
II	CẤP HUYỆN	16.167	15.475	575	7.685	16.911	744	
1	Quy Nhơn	2.169	2.009	84	1.115	2.321	152	
	Mầm non	441	363	28	217	593	152	Tăng để chuyển đổi trường mầm non
	Tiểu học	910	886	35	486	910	0	
	Trung học cơ sở	800	742	21	412	800	0	
	Phòng Giáo dục và Đào tạo	18	18			18	0	
2	Tuy Phước	1.920	1.842	61	928	1.985	65	
	Mầm non	248	248	21	159	313	65	Tăng để chuyển đổi trường mầm non
	Tiểu học	870	832	26	415	870	0	
	Trung học cơ sở	786	746	14	354	786	0	
	Phòng Giáo dục và Đào tạo	16	16			16	0	
3	An Nhơn	1.701	1.632	71	933	1.870	169	
	Mầm non	250	200	25	194	419	169	Tăng để chuyển đổi trường mầm non

STT	Tên đơn vị	Biên chế đã được phân bổ năm 2013	Thực hiện đến 31/10/2013	Quy mô giáo dục - đào tạo		KH biên chế năm 2014	Biên chế tăng, giảm so với năm 2013	Ghi chú
				Trường	Lớp			
A	B	1	2	3	4	5	6=5-1	7
	Tiểu học	725	715	30	407	725	0	
	Trung học cơ sở	709	700	16	332	709	0	
	Phòng Giáo dục và Đào tạo	17	17			17	0	
4	Phù Cát	2.252	2.139	64	928	2.318	66	
	Mầm non	313	213	22	204	379	66	Tăng để chuyển đổi trường mầm non
	Tiểu học	980	981	26	373	980	0	
	Trung học cơ sở	944	930	16	351	944	0	
	Phòng Giáo dục và Đào tạo	15	15			15	0	
5	Phù Mỹ	2.008	1.978	67	982	2.070	62	
	Mầm non	289	289	20	215	351	62	Tăng để chuyển đổi trường mầm non
	Tiểu học	880	853	30	398	880	0	
	Trung học cơ sở	824	821	17	369	824	0	
	Phòng Giáo dục và Đào tạo	15	15			15	0	
6	Hoài Nhơn	1.926	1.866	63	1.033	2.111	185	
	Mầm non	284	244	21	208	469	185	Tăng để chuyển đổi trường mầm non
	Tiểu học	843	831	27	445	843	0	

STT	Tên đơn vị	Biên chế đã được phân bổ năm 2013	Thực hiện đến 31/10/2013	Quy mô giáo dục - đào tạo		KH biên chế năm 2014	Biên chế tăng, giảm so với năm 2013	Ghi chú
				Trường	Lớp			
A	B	1	2	3	4	5	6=5-1	7
	Trung học cơ sở	781	775	15	380	781	0	
	Phòng Giáo dục và Đào tạo	18	16			18	0	
7	Tây Sơn	1.499	1.439	48	624	1.526	27	
	Mầm non	206	206	16	130	233	27	Tăng để chuyển đổi trường mầm non
	Tiểu học	644	611	19	252	644	0	
	Trung học cơ sở	631	604	13	242	631	0	
	Phòng Giáo dục và Đào tạo	18	18			18	0	
8	Hoài Ân	1.078	1.052	33	421	1.096	18	
	Mầm non	180	180	6	48	198	18	Tăng để chuyển đổi trường mầm non
	Tiểu học	493	479	17	218	493	0	
	Trung học cơ sở	393	381	10	155	393	0	
	Phòng Giáo dục và Đào tạo	12	12			12	0	
9	Vân Canh	486	468	31	238	486	0	
	Mầm non	95	95	12	56	95	0	
	Tiểu học	227	216	11	127	227	0	

STT	Tên đơn vị	Biên chế đã được phân bổ năm 2013	Thực hiện đến 31/10/2013	Quy mô giáo dục - đào tạo		KH biên chế năm 2014	Biên chế tăng, giảm so với năm 2013	Ghi chú
				Trường	Lớp			
A	B	1	2	3	4	5	6=5-1	7
	Trung học cơ sở	152	145	8	55	152	0	
	Phòng Giáo dục và Đào tạo	12	12			12	0	
10	Vĩnh Thạnh	580	546	27	258	580	0	
	Mầm non	113	113	10	61	113	0	
	Tiểu học	253	233	9	113	253	0	
	Trung học cơ sở	200	186	8	84	200	0	
	Phòng Giáo dục và Đào tạo	14	14			14	0	
11	An Lão	548	504	26	225	548	0	
	Mầm non	112	112	10	66	112	0	
	Tiểu học	225	194	9	101	225	0	
	Trung học cơ sở	199	186	7	58	199	0	
	Phòng Giáo dục và Đào tạo	12	12			12	0	
	TỔNG I + II	20.532	19.694	645	9.081	21.519	987	
	BIÊN CHẾ DỰ PHÒNG	808						
	Tổng cộng	21.340				21.519		

Ghi chú: Số Lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2006/NĐ-CP của Chính phủ không tính trong chỉ tiêu biên chế được giao của các cơ quan, đơn vị

KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NGÀNH Y TẾ NĂM 2014
(Kèm theo Tờ trình số: 121/TTr-UBND ngày 03/12/2013 của UBND tỉnh)

TT	Tên đơn vị	Số giường bệnh đã phân bổ 2013	Chỉ tiêu biên chế được giao năm 2013	Thực hiện đến 31/10/13	Số giường bệnh dự kiến 2014/Dân số	Kế hoạch biên chế năm 2014	Tăng, giảm so với biên chế phân bổ năm 2013	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	BIÊN CHẾ PHÂN BỐ		6.093	5.979		6.093		Giữ nguyên theo chỉ tiêu biên chế đã phân bổ năm 2013
A	TUYỂN TỈNH	2.230	3.010	2.958	2.230	3.010		
I	Hệ điều trị	2.230	2.745	2.702	2.230	2.745		
1	Bệnh viện ĐK tỉnh	1100	1.520	1496	1100	1.520		
2	Bệnh ĐKKV Bồng Sơn	310	388	386	310	388		
3	Bệnh viện ĐKKV Phú Phong	240	300	293	240	300		
4	Bệnh viện Y học cổ truyền	160	153	150	160	153		
5	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	140	135	132	140	135		
6	Bệnh viện Tâm Thần	130	117	115	130	117		

TT	Tên đơn vị	Số giường bệnh đã phân bổ 2013	Chỉ tiêu biên chế được giao năm 2013	Thực hiện đến 31/10/13	Số giường bệnh dự kiến 2014/Dân số	Kế hoạch biên chế năm 2014	Tăng, giảm so với biên chế phân bổ năm 2013	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7
7	Bệnh viện Mắt	100	90	90	100	90		
8	Bệnh viện Điều dưỡng PHCN	50	42	40	50	42		
II	Các đơn vị y tế dự phòng		141	138		141		
1	Trung tâm y tế dự phòng		66	65		66		
2	Trung tâm Phòng, Chống sốt rét & CBNT		48	47		48		
3	Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS		27	26		27		
III	Các đơn vị y tế khác		124	118		124		
1	Trung tâm Chăm sóc sức khoẻ sinh sản		40	39		40		
2	Trung tâm Kiểm nghiệm DP - MP		27	26		27		
3	Trung tâm Truyền thông - GDSK		15	14		15		
4	Trung tâm Da liễu		18	17		18		
5	Trung tâm Pháp y		10	9		10		
6	Trung tâm Giám định Y khoa		14	13		14		

TT	Tên đơn vị	Số giường bệnh đã phân bố 2013	Chỉ tiêu biên chế được giao năm 2013	Thực hiện đến 31/10/13	Số giường bệnh dự kiến 2014/Dân số	Kế hoạch biên chế năm 2014	Tăng, giảm so với biên chế phân bố năm 2013	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7
B	TUYẾN HUYỆN	1270	1883	1856	1270	1883		
1	Trung tâm y tế huyện, thị xã, TP	1270	1816	1794	1270	1816		
	Hệ điều trị	1270	1417	1411	1270	1417		
	Hệ dự phòng		399	383		399		
2	Trung tâm DS-KHHGĐ		67	62		67		
C	TUYẾN XÃ		1.200	1.165		1.200		
1	Thành phố Quy Nhơn	DS: 264.768	156	152	DS: 264.768	156		21 xã
2	Huyện Tuy Phước	DS: 186.824	116	113	DS: 186.824	116		13 xã
3	Thị xã An Nhơn	DS: 190.165	123	121	DS: 190.165	123		15 xã
4	Huyện Phù Cát	DS: 196.195	141	139	DS: 196.195	141		18 xã
5	Huyện Phù Mỹ	DS: 190.177	144	142	DS: 190.177	144		19 xã
6	Huyện Hoài Nhơn	DS: 224.101	143	140	DS: 224.101	143		17 xã
7	Huyện Hoài Ân	DS: 84.248	104	101	DS: 84.248	104		15 xã
8	Huyện Tây Sơn	DS: 137.067	109	102	DS: 137.067	109		15 xã

TT	Tên đơn vị	Số giường bệnh đã phân bổ 2013	Chỉ tiêu biên chế được giao năm 2013	Thực hiện đến 31/10/13	Số giường bệnh dự kiến 2014/Dân số	Kế hoạch biên chế năm 2014	Tăng, giảm so với biên chế phân bổ năm 2013	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7
9	Huyện An Lão	DS: 31.647	64	61	DS: 31.647	64		10 xã
10	Huyện Vân Canh	DS: 25.253	45	42	DS: 25.253	45		7 xã
11	Huyện Vĩnh Thạnh	DS: 28.478	55	52	DS: 28.478	55		9 xã
	BIÊN CHẾ DỰ PHÒNG		122					
	TỔNG CỘNG	3.500	6.215	5.979	3.500	6.093		

Chi chú: Do kế hoạch giường bệnh giữ nguyên nên kế hoạch biên chế sự nghiệp Y tế năm 2014 giữ nguyên chỉ tiêu biên chế đã phân bổ năm 2013 là 6.093 biên chế.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục 4

KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP VĂN HÓA - THÔNG TIN - THỂ THAO VÀ SỰ NGHIỆP KHÁC NĂM 2014

(Kèm theo Tờ trình số: 121/TTr-UBND ngày 03/12/2013 của UBND tỉnh)

STT	Đơn vị	Biên chế giao năm 2013			Thực hiện 31/10/13	KH biên chế năm 2014			Chênh lệch	Ghi chú
		Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra			
			VHTT- TT	SN KHÁC			VHTT- TT	SN KHÁC		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	C
I	CẤP TỈNH	1282	367	915	1268	1349	367	982	67	
1	Văn phòng UBND tỉnh	16		16	16	16		16		
2	Sở Nội vụ	8		8	8	8		8		
3	Sở Tư pháp	51		51	51	51		51		
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	11		11	11	11		11		
5	Sở Công Thương	18		18	18	18		18		
6	Sở Xây dựng	8		8	8	8		8		
7	Sở Khoa học và Công nghệ	39		39	39	39		39		
8	Sở Nông nghiệp và PTNT	331		331	330	341		341	10	Thành lập các Hạt quản lý đê điều thuộc Chi cục Quản lý Đê điều và Phòng chống lụt bão
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	50		50	50	50		50		
10	Ban Quản lý GPMB và PTQĐ tỉnh	45		45	45	45		45		
11	Sở Lao động Thương binh và XH	168		168	166	168		168		
12	Sở Y tế	4		4	4	4		4		

STT	Đơn vị	Biên chế giao năm 2013			Thực hiện 31/10/13	KH biên chế năm 2014			Chênh lệch	Ghi chú
		Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra			
			VHTT- TT	SN KHÁC			VHTT- TT	SN KHÁC		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	C
13	Sở Văn hoá, TT&DL	259	227	32	258	259	227	32		
14	Sở Thông tin và Truyền thông	8		8	8	8		8		
15	Ban Quản lý khu kinh tế	57		57	57	57		57		
16	Đài Phát thanh và Truyền hình	140	140		139	140	140			
17	Văn phòng Ban ATGT tỉnh	5		5	5	5		5		
18	Văn phòng Điều phối về BDKH tỉnh	3		3	3	3		3		
19	Ban Quản lý dự án các công trình trọng điểm tỉnh					18		18	18	
20	Liên Minh các HTX tỉnh	18		18	18	18		18		
21	Hội Văn học nghệ thuật	9		9	9	9		9		
22	Hội Nhà báo	5		5	5	5		5		
23	Hội Chữ thập đỏ	15		15	15	15		15		
24	Quỹ Bảo vệ môi trường	5		5	5	5		5		
25	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam tỉnh	1		1		1		1		
26	Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh	8		8	8	8		8		
27	Trung tâm Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội và thu hút đầu tư tỉnh					39		39	39	Dự kiến thành lập mới năm 2014
II	CẤP HUYỆN, THÀNH PHỐ	861	261	600	858	861	261	600		
1	Thành phố Quy nhơn	177	33	144	176	177	33	144		

STT	Đơn vị	Biên chế giao năm 2013			Thực hiện 31/10/13	KH biên chế năm 2014			Chênh lệch	Ghi chú
		Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra			
			VHTT- TT	SN KHÁC			VHTT- TT	SN KHÁC		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	C
2	Huyện Tuy Phước	63	23	40	63	63	23	40		
3	Thị xã An Nhơn	68	22	46	67	68	22	46		
5	Huyện Phù cát	71	22	49	71	71	22	49		
6	Huyện Phù Mỹ	73	23	50	73	73	23	50		
8	Huyện Hoài Nhơn	79	23	56	79	79	23	56		
4	Huyện Tây Sơn	71	25	46	71	71	25	46		
7	Huyện Hoài Ân	69	22	47	69	69	22	47		
9	Huyện Vân Canh	59	20	39	59	59	20	39		
10	Huyện Vĩnh Thạnh	62	21	41	62	62	21	41		
11	Huyện An Lão	69	27	42	68	69	27	42		
	TỔNG CỘNG (I+II)	2143	628	1515	2126	2210	628	1582	67	
BIÊN CHẾ DỰ PHÒNG		96	38	58						

Ghi chú: Số Lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2006/NĐ-CP của Chính phủ không tính trong chỉ tiêu biên chế được giao của các cơ quan, đơn vị